

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN P  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 06/2022/HS-ST  
Ngày 26-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lo.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt và ông Võ Văn Tường.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:***

1/ Ông Lưu Minh Cường – Kiểm sát viên

2/ Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 22/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn U**, sinh năm 1979. Tên gọi khác: M. Nơi sinh: Hậu Giang. Nơi cư trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K. Chỗ ở: ấp T, xã L, huyện T1, tỉnh V. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn S (c) và bà Nguyễn Thị T2 (c); vợ là Thị C; có 02 con: lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2016. tiền án: Ngày 24-8-2017, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh K, tuyên 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25-4-2018, chưa nộp án phí Hình sự sơ thẩm; tiền sự: Không. Hiện đang bị tạm giam tại Trại giam Cao Lãnh – có mặt tại phiên tòa.

*Bị hại:*

1/ Ông Bùi Thanh H, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 06-7-2021.

2/ Ông Bùi Văn Đ2, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 23-9-2021.

3/ Ông Hồ Văn T2, sinh năm 1970. Địa chỉ: ấp T3, xã T4, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18-6-2021.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Võ Văn D, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp H1, xã H2, huyện V1, tỉnh Vĩnh Long. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 24-6-2021.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Bị cáo Lê Văn U là đối tượng không nghề nghiệp, từ tháng 4-2020 đến tháng 7-2020 Bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm trên địa bàn huyện P, thành phố Cần Thơ, cụ thể:

### **Vụ thứ nhất:**

Vào tối ngày 21-4-2020, Bị cáo thuê xe “honda ôm” đi từ thị trấn B, huyện C1, tỉnh Hậu Giang đến Quốc lộ 61C đoạn Cần Thơ - Vị Thanh để tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 20 giờ Bị cáo đi bộ đến cầu kênh T5 thuộc xã N1, huyện P thì phát hiện nhà anh Bùi Văn Đ2 có xe máy (loại xe ba bánh dành cho người khuyết tật) đang đậu cặp hông nhà và kế bên là nhà anh Bùi Thanh H có đậu xe máy Exciter biển số 65G1-27x.xx; tuy nhiên, do người trong nhà còn thức nên Bị cáo đi bộ trở ra Quốc lộ ngồi đợi đến khoảng hơn 00 giờ ngày 22-4-2020, Bị cáo đi bộ trở vào lấy trộm biển số 65G1-22x.xx của xe anh Đ2 rồi sang nhà anh H lấy trộm xe máy Exciter của anh H. Do không có chìa khóa nên Bị cáo bứt dây điện để nổ máy xe và điều khiển về nhà tại thị trấn M1, huyện C1, tỉnh Hậu Giang cất giấu. Đến ngày hôm sau, Bị cáo mở cốp xe thấy có một giấy chứng nhận đăng ký xe và một giấy chứng minh nhân dân nên vứt bỏ giấy chứng minh nhân dân, đồng thời tháo biển số 65G1-27x.xx thay bằng biển số 65G1-22x.xx gắn vào xe Exciter để chạy về huyện V1, tỉnh Vĩnh Long. Sử dụng được một thời gian thì Bị cáo gắn lại biển số 65G1-27x.xx vào xe Exciter và kêu cháu rể là Võ Văn D đi cầm dùm được 14.000.000 đồng. Hơn một tháng sau, D thông báo cho Bị cáo là chủ cầm xe kêu chuộc xe nếu không sẽ bán xe, nên Bị cáo kêu D bỏ tiền ra chuộc xe về sử dụng, khi nào có tiền Bị cáo sẽ chuộc lại.

Sau đó, D đã chuộc xe về sử dụng đến khi bị phát hiện. D đã giao nộp xe cho Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện P.

***Vật chứng thu giữ:***

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Exciter 150 màu đen, biển số 65G1-27x.xx.
- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 65G1-27x.xx.
- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân photo tên Nguyễn Thị Hồng L1.
- 01 (một) giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ T6.

Tại Kết luận định giá tài sản số 49/KL-HĐĐGTS ngày 27-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, dung tích 150 màu đen, biển số 65G1-27x.xx có giá trị sử dụng còn lại là 38.950.000 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS ngày 07-4-2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) biển số xe mô tô 65G1-22x.xx có giá trị 0 (không) đồng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P đã trả lại xe mô tô biển số 65G1-27x.xx và giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh Bùi Thanh H.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H không yêu cầu bồi thường. Anh Bùi Văn Đ2 không yêu cầu bồi thường chi phí làm lại biển số xe.

Đối với Võ Văn D không biết đây là tài sản trộm cắp, quá trình giúp Bị cáo cầm xe, D chỉ là người chỉ địa điểm mà không phải là người trực tiếp thực hiện (do Nguyễn Thị Hồng L1 là bạn gái Bị cáo trực tiếp sử dụng giấy chứng minh nhân dân photo giao cho tiệm cầm đồ), đồng thời bản thân D cũng không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ việc cầm cố tài sản nên không xem xét xử lý đối với D.

Đối với Nguyễn Thị Hồng L1, sau khi Bị cáo bị bắt thì L1 đã đi khỏi địa phương, chưa xác định được chỗ ở nên chưa làm việc được. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ nếu đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với Võ Chí K (chủ tiệm cầm đồ T6) không biết đây là tài sản trộm cắp, K nhận cầm đồ do quen biết với D, đồng thời dù xe không chính chủ nhưng khi L1 đến cầm xe thì có photo giấy chứng minh nhân dân của L1 làm tin nên không xem xét xử lý đối với K.

**Vụ thứ hai:**

Vào tối ngày 24-7-2020, Bị cáo thuê xe “honda ôm” đi từ thị trấn M1, huyện C1, tỉnh Hậu Giang đến xã T4, huyện P, thành phố Cần Thơ để tìm tài sản để trộm cắp; đến khoảng 20 giờ, Bị cáo đi bộ vào rạch C2 thuộc ấp T3, xã T4, huyện P đến nhà ông Hồ Văn T2, lúc này khoảng 22 giờ thấy người trong nhà còn thức nên Bị cáo trèo qua hàng rào vào bên trong và đi ra phía sau vườn núp chờ đến khuya đột nhập vào nhà lấy trộm tài sản. Đến khoảng hơn 01 giờ sáng ngày 25-7-2020, thấy người trong nhà đã ngủ nên Bị cáo lấy khúc gỗ có sẵn gần đó cạy lam gió nhà tắm đột nhập vào trong nhà lục tìm tài sản. Thấy trên bàn có cái bóp và máy tính xách tay, Bị cáo kiểm tra bóp thấy bên trong có xấp tiền nên lấy trộm rồi để cái bóp lại trên bàn và lấy trộm máy tính xách tay; sau đó, nhìn thấy có chiếc xe máy hiệu MXKING biển số 65G1-34x.xx có sẵn chìa khóa trên xe; đồng thời, thấy trên cửa có gắn chìa khóa nên mở cửa lấy Laptop đem ra để ngoài hàng rào rồi quay lại dẫn chiếc xe máy nói trên ra ngoài lộ và nổ máy chạy đi, nhưng Bị cáo quên lấy Laptop.

Sau khi lấy trộm được xe máy, Bị cáo chạy về nhà trọ ở huyện T7, tỉnh Vĩnh Long cất giấu. Do không có giấy đăng ký xe nên không tiêu thụ được; do đó, Bị cáo tháo biển số 65G1-34x.xx bỏ, gắn biển số 59S1-21x.xx vào xe và lột hết tem nhãn của xe để sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 15-9-2020, Bị cáo điều khiển xe máy trên đến địa bàn thị trấn V2, huyện V3, thành phố Cần Thơ bị lực lượng Cảnh sát giao thông Công an huyện V3 kiểm tra, Bị cáo không xuất trình được giấy tờ và khai họ tên, địa chỉ khác để bỏ luôn xe.

***Vật chứng thu giữ:***

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại MXKING 150, số khung MH3UG0750KK041650, số máy G3E6E0537432 màu xanh đen không còn tem nhãn, là xe của bị hại Hồ Văn T2 bị thay đổi biển số thành 59S1-21x.xx.

- 01 (một) Laptop màu đen hiệu Acer, loại Aspire 4820G-382G50Mnks.

Tại Kết luận định giá tài sản số 48/KL-HĐĐGTS ngày 27-11-2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING, dung tích 150 màu xanh đen, biển số 65G1-34x.xx có giá trị sử dụng còn lại là 25.022.250 đồng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 08-01-2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự huyện P, kết luận về giá trị của tài sản: 01 (một) chiếc Laptop màu đen hiệu Acer, loại Aspire 4820G-382G50Mnks có giá trị sử dụng còn lại là 2.186.667 đồng.

*Xử lý vật chứng:* Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện P đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING 150, số khung MH3UG0750KK041650, số máy G3E6E0537432 màu xanh đen không còn tem nhãn và máy tính xách tay cho ông Hồ Văn T2.

Về trách nhiệm dân sự: Ông T2 không yêu cầu bồi thường.

Đối với số tiền mặt của ông Hồ Văn T2 bị mất trộm, ông T2 không xác định được cụ thể là bao nhiêu, chỉ nhớ khoảng hơn một triệu đồng. Bản thân Bị cáo thừa nhận có lấy trộm số tiền trong bóp của ông T2 nhưng khi lấy trộm thì Bị cáo không kiểm điểm nên không xác định được số tiền cụ thể và ông T2 cũng không yêu cầu giải quyết đối với số tiền này.

Đối với biển số xe 59S1-21x.xx, Bị cáo khai lượm được ngoài đường, chưa xác định được chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Quá trình điều tra Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, mục đích trộm cắp tài sản là để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

*Việc xác định bị cáo Lê Văn U, sinh ngày 09-9-1979; giới tính Nam; nơi ĐKKH thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: ấp T, xã L, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long; dựa trên các căn cứ sau:* Tờ khai chứng minh nhân dân số 371833240 ngày 08-8-2013; Sổ hộ khẩu của bị cáo tại ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang – chủ hộ là Thị C; Phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 17-7-2013; bản khai nhân khẩu; phiếu xác minh hộ khẩu, nhân khẩu ngày 10-7-2013; đơn xin nhập khẩu ngày 16-7-2013; phiếu báo thay đổi hộ khẩu, nhân khẩu ngày 25-8-2014; Giấy khai sinh con của Bị cáo ngày 17-7-2013 và ngày 06-3-2017. Hơn nữa, ngày 07-9-2021 Tòa án nhân dân huyện Phong Điền có biên bản xác minh tại Công an xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang đã xác định bị cáo Lê Văn U, sinh ngày 09-9-1979 là đúng với hồ sơ đăng ký hộ khẩu tại địa phương; có tên gọi khác tại địa phương là H2 và M và có vợ là Thị C và qua thẩm tra xác định Lê Văn U, sinh năm 1979 và Lê Văn U, sinh năm 1980 là một người.

Tại Kết luận giám định số 09/KLGD-PC09 (ĐV) ngày 29-4-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an thành phố Cần Thơ kết luận: Dấu vân tay trên chỉ bản số 01, mang tên Lê Văn U, sinh năm 1980, nơi ĐKKH thường trú: Ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang lập ngày 12-01-2021 tại Công an huyện P về việc “Trộm cắp tài sản”, so với dấu vân tay trên các mẫu so sánh gồm: Tờ khai chứng minh nhân dân số 371833240 ngày 08-8-2013 và danh chỉ bản số

000000032 lập ngày 26-4-2017 tại Công an huyện G1, tỉnh Kiên Giang là của cùng một người in ra.

Tại Kết luận giám định số 163/KLGD-PC09 ngày 02-4-2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Dấu vân tay in trên danh, chỉ bản mang tên Lê Văn U (tên gọi khác M), sinh năm 1980; nơi cư trú: ấp T, xã L, huyện T1, tỉnh Vĩnh Long so với dấu vân tay in trên danh, chỉ bản mang tên Lê Văn U, sinh ngày 09-9-1979; nơi cư trú: xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang là dấu vân tay của cùng một người (trích theo hồ sơ Đình chỉ xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long).

Do đó, có đủ căn cứ xác định Lê Văn U, sinh ngày 09-9-1979; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang và Lê Văn U, sinh năm 1980; nơi đăng ký thường trú: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang là một người.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS-PĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đã truy tố Bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:* Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản đúng như cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ có trong hồ sơ. Bị cáo trộm cắp tài sản của anh Bùi Văn Đ2, anh Bùi Thanh H và của anh Hồ Văn T2 tổng giá trị là 66.158.917 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 56 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án tù 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù giam. Tổng hợp hình phạt bị cáo với Quyết định số 01/2021/QĐ-CA ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện T7, tỉnh Vĩnh Long để chấp hành chung trong bản án này.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại xong và không ai yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc trả lại cho anh Bùi Thanh H xe máy biển số 65G1-276.70 và giấy chứng nhận đăng ký xe; trả lại cho anh Hồ Văn T2 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING 150, số khung MH3UG0750KK041650, số máy G3E6E0537432 màu xanh đen không còn tem nhãn và 01 Laptop.

Tịch thu lưu hồ sơ: đối với giấy chứng minh nhân dân photo tên Nguyễn Thị Hồng L1 và giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ T6.

*Tại phiên tòa, bị cáo trình bày:* Bị cáo thừa nhận có trộm tài sản đúng như cáo trạng đã truy tố. Mục đích là để tiêu xài cá nhân. Việc bị cáo đi trộm không ai xúi giục bị cáo, do bị cáo nảy sinh ý định rồi đi trộm một mình.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo biết sai và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 22-4-2020, Bị cáo có hành vi lén lút trộm tài sản của anh Bùi Văn Đ2 biển số xe 65G1-22x.xx, trộm của anh Bùi Thanh H xe máy Exciter biển số 65G1-27x.xx tại ấp N, xã N1, huyện P, thành phố Cần Thơ và ngày 25-7-2020 trộm tài sản của anh Hồ Văn T2 gồm: tiền, xe máy biển số 65G1-341.13 và 01 Laptop tại ấp T3, xã T4, huyện P, thành phố Cần Thơ; đối với 01 Laptop bị cáo đã lấy từ trên bàn trong nhà của anh T2 đem ra để ngoài hàng rào, với mục đích khi dẫn xe ra sẽ lấy nhưng bị cáo quên lấy là ngoài ý muốn của bị cáo; bị cáo đã di chuyển 01 Laptop ra khỏi tầm quản lý của chủ sở hữu nên vẫn phải chịu trách nhiệm về trị giá của Laptop. Như vậy, xác định tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt là 66.158.917 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố bị cáo là có căn cứ; đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn và làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo sợ. Bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa tích; lẽ ra bị cáo phải biết khắc phục, sửa chữa lỗi lầm nhưng trái lại bị cáo còn tiếp tục hành vi trộm cắp tài sản của người

khác, chứng tỏ bị cáo xem thường pháp luật. Bản thân bị cáo đã nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do bản tính tham lam, lười lao động mà thích hưởng thụ nên đã thúc đẩy bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, còn trẻ tuổi, có sức khỏe nhưng không dùng sức khỏe của mình để lao động tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, làm một người công dân có ích cho gia đình và xã hội, mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác để tiêu xài cá nhân.

[4] *Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội*: Bị cáo nảy sinh ý định đi trộm một mình, không ai rủ rê, xúi giục; mục đích đi trộm để có tiền tiêu xài cá nhân. Bị cáo đã lợi dụng đêm khuya khi mọi người ngủ say để lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các bị hại một cách trót lọt mà không bị phát hiện. Ngoài những hành vi phạm tội nêu trên, theo hồ sơ thể hiện bị cáo còn thực hiện nhiều hành vi trộm cắp tài sản của người khác ở nhiều nơi khác nhau cụ thể như: huyện T8 và huyện V2, thành phố Cần Thơ; huyện V1 và huyện T7, tỉnh Vĩnh Long; huyện C3, tỉnh Trà Vinh nên cho thấy bị cáo là thuộc đối tượng hết sức nguy hiểm.

[5] *Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Ngày 22-4-2020, bị cáo trộm của anh Bùi Thanh H và anh Bùi Thanh Đ2 với trị giá tài sản là 38.950.000đ và ngày 25-7-2020, bị cáo trộm của anh Hồ Văn T2 với trị giá tài sản là 27.208.917đ nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” và bị cáo có 01 tiền án theo bản án số 38/2017/HSST ngày 24-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện G1, tỉnh Kiên Giang xử phạt bị cáo về tội ít nghiêm trọng với mức án 12 tháng tù giam, chưa được xóa án tích mà còn tái phạm với tội nghiêm trọng do cố ý nên bị cáo thuộc trường hợp “Tái phạm”. Do đó, Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng theo điểm g và h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] *Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy Bị cáo thực hiện nhiều lần về hành vi trộm cắp tài sản có tổng giá trị là 66.158.917 đồng là thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng; Bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự và Bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ dài, cho tương xứng với tính chất, mức độ của Bị cáo gây ra, nhằm cải tạo, giáo dục cho Bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác; đồng thời, để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội nên đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền là phù hợp.



[8] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, do Bị cáo không nghề nghiệp và không có thu nhập nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho Bị cáo.

[9] *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại là anh Bùi Thanh H đã nhận lại xe và giấy đăng ký xe và anh Hồ Văn T2 đã nhận xe và Laptop. Anh Bùi Thanh Đ2, anh H và anh T2 không yêu cầu bồi gì thêm nên không xét. Đối với ông Võ Văn D là người chuộc lại xe biển số 65G1-276.70, không có yêu cầu nên không xét, khi nào có tranh chấp thì giải quyết theo thủ tục Tố tụng dân sự.

[10] *Về tổng hợp hình phạt của nhiều bản án*: Bị cáo đang chấp hành Quyết định tổng hợp hình phạt số 01/2021/QĐ-CA ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện T7, tỉnh Vĩnh Long là **10** năm **02** tháng tù giam. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự nên tổng hợp hình phạt chấp hành chung trong bản án này.

[11] *Về án phí sơ thẩm*: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*1/ Tuyên bố*: Bị cáo **Lê Văn U** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự. Phạt bị cáo **Lê Văn U** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù giam. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) năm 02 (hai) tháng theo Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số 01/2021/QĐ-CA ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân huyện T7, tỉnh Vĩnh Long nên buộc Bị cáo chấp hành hình phạt chung là **12** (mười hai) năm **08** (tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24-9-2020.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

*2/ Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật hình sự.

2.1/ Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P về việc trả lại cho anh Bùi Thanh H xe máy biển số 65G1-27x.xx và

giấy chứng nhận đăng ký xe; trả lại cho anh Hồ Văn T2 01 xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại MXKING 150, số khung MH3UG0750KK041650, số máy G3E6E0537432 màu xanh đen không còn tem nhãn và 01 Laptop.

2.2/ Tịch thu lưu hồ sơ đối với giấy chứng minh nhân dân photo tên Nguyễn Thị Hồng L1 và giấy cầm đồ của tiệm cầm đồ T6. Đã lưu hồ sơ xong.

3/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

4/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với Bị cáo có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án đối với Bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo./.

---

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. P;
- Chi Cục THADS H. P;
- Công an H. P;
- Sở tư pháp TP.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Lê Văn Lo**